

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com  
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI  
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16KKT**

**TÊN HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 2**

ĐỢT HỌC 5

**M? H Ọ C P H Ầ N :    ACC - 303**

TÍN CHỈ 3

LẦN THI 1

Ngày thi: 13/01/2012

| ST<br>T | MSV       | Họ và tên        |        | Lớp    | ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%) |   |     |   |     |   |   |   |     |     | ĐIỂM TỔNG KẾT |  | Ghi chú |
|---------|-----------|------------------|--------|--------|----------------------------|---|-----|---|-----|---|---|---|-----|-----|---------------|--|---------|
|         |           |                  |        |        | A                          | P | Q   | H | L   | M | I | G | F   | SỐ  | CHỮ           |  |         |
|         |           |                  |        |        | 10                         |   | 10  |   | 25  |   |   |   | 55  | 100 |               |  |         |
| 1       | 162350447 | Trương Thị Thùy  | An     | B16KKT | 6                          |   | 6.5 |   | 7   |   |   |   | 3   | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 2       | 162310372 | Nguyễn Thị Thu   | Ba     | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 8   | 7.6 | Báý pháp Saù  |  |         |
| 3       | 162310373 | V? Quang Thanh   | B?nh   | B16KKT | 8                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 7.8 | 7.5 | Báý pháp Nàm  |  |         |
| 4       | 162310374 | Lê Thị Hoàng     | Cúc    | B16KKT | 5                          |   | 6   |   | 6   |   |   |   | 5.5 | 5.6 | Nàm pháp Saù  |  |         |
| 5       | 162310380 | Ngô Thị          | Đoan   | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 9   | 8.1 | Tằm pháp Mầù  |  |         |
| 6       | 162310376 | Huỳnh Thị Phương | Dung   | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 5.5 | 6.3 | Saù pháp Ba   |  |         |
| 7       | 162310379 | Nguyễn Tiến      | Dũng   | B16KKT | 5                          |   | 6   |   | 6.5 |   |   |   | HP  | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 8       | 162310382 | Nguyễn Thị Thúy  | Hà     | B16KKT | 8                          |   | 7   |   | 6   |   |   |   | 9.5 | 8.2 | Tằm pháp Hai  |  |         |
| 9       | 162310384 | Lê Thị Mỹ        | Hằng   | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 6   |   |   |   | 3   | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 10      | 162350472 | Lê Sỹ            | Hiếu   | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 9.5 | 8.5 | Tằm pháp Nàm  |  |         |
| 11      | 162310385 | Dương Thị Thu    | Hồng   | B16KKT | 7                          |   | 7.5 |   | 7   |   |   |   | 9.5 | 8.4 | Tằm pháp Bắù  |  |         |
| 12      | 162310387 | Nguyễn Thị Thu   | Hương  | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 6   |   |   |   | 9.5 | 8.1 | Tằm pháp Mầù  |  |         |
| 13      | 162310386 | Phan Thị         | Huyền  | B16KKT | 8                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 9.5 | 8.5 | Tằm pháp Nàm  |  |         |
| 14      | 162310389 | Lê Trung         | Kiệt   | B16KKT | 9                          |   | 7.5 |   | 8   |   |   |   | 9.5 | 8.9 | Tằm pháp Chèn |  |         |
| 15      | 162310392 | Phan Thị Mỹ      | Linh   | B16KKT | 5                          |   | 6   |   | 6   |   |   |   | 9.5 | 7.8 | Báý pháp Tằm  |  |         |
| 16      | 162310395 | Nguyễn Thị Hiền  | Lương  | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 6.5 |   |   |   | 3.5 | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 17      | 162310396 | Hoàng Mai        | Ly     | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 9.5 | 8.4 | Tằm pháp Bắù  |  |         |
| 18      | 162310398 | Ngô Thị Tuyết    | Mai    | B16KKT | 9                          |   | 7.5 |   | 7.5 |   |   |   | 8.5 | 8.2 | Tằm pháp Hai  |  |         |
| 19      | 162310400 | Lê Thị           | Nga    | B16KKT | 6                          |   | 6.5 |   | 6   |   |   |   | 8.5 | 7.4 | Báý pháp Bắù  |  |         |
| 20      | 152317473 | Dương Thị Kim    | Ngân   | B16KKT | 0                          |   | 0   |   | 0   |   |   |   | HP  | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 21      | 162310401 | Đỗ Bảo           | Ngân   | B16KKT | 5                          |   | 6   |   | 6   |   |   |   | 9.5 | 7.8 | Báý pháp Tằm  |  |         |
| 22      | 152317481 | Huỳnh Thị Quỳnh  | Như    | B16KKT | 6                          |   | 6.5 |   | 7   |   |   |   | HP  | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 23      | 162310406 | Trương Thị       | Oanh   | B16KKT | 6                          |   | 6.5 |   | 6   |   |   |   | 8.5 | 7.4 | Báý pháp Bắù  |  |         |
| 24      | 162330807 | Trần Thị Kim     | Oanh   | B16KKT | 8                          |   | 7.5 |   | 7.5 |   |   |   | 7.5 | 7.6 | Báý pháp Saù  |  |         |
| 25      | 162310408 | Đỗ Hoài          | Phương | B16KKT | 0                          |   | 5   |   | 5   |   |   |   | 6   | 5.1 | Nàm pháp Mầù  |  |         |
| 26      | 162310409 | Trần Thị         | Phương | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 9.5 | 8.5 | Tằm pháp Nàm  |  |         |
| 27      | 162310413 | Nguyễn Thị       | Sơn    | B16KKT | 9                          |   | 7.5 |   | 8   |   |   |   | V   | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 28      | 162310414 | Trịnh Hưng Thái  | Sơn    | B16KKT | 5                          |   | 6   |   | 5   |   |   |   | HP  | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 29      | 162310416 | Nguyễn Trí       | Tài    | B16KKT | 8                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 8.5 | 8.1 | Tằm pháp Mầù  |  |         |
| 30      | 162310417 | Lê Thị Phương    | Thảo   | B16KKT | 6                          |   | 6.5 |   | 6.5 |   |   |   | 9.5 | 8.1 | Tằm pháp Mầù  |  |         |
| 31      | 162310418 | V? Duy           | Thịnh  | B16KKT | 6                          |   | 6.5 |   | 6   |   |   |   | 8.5 | 7.4 | Báý pháp Bắù  |  |         |
| 32      | 162310420 | Nguyễn Hoàng     | Thơ    | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 6   |   |   |   | 8.5 | 7.6 | Báý pháp Saù  |  |         |
| 33      | 162310419 | Nguyễn Đ?nh      | Thông  | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 8.5 | 7.8 | Báý pháp Tằm  |  |         |
| 34      | 162310422 | Hoàng Thị        | Thùy   | B16KKT | 9                          |   | 7.5 |   | 7   |   |   |   | 9.5 | 8.6 | Tằm pháp Saù  |  |         |
| 35      | 162310423 | Lê Thị Thanh     | Thủy   | B16KKT | 8                          |   | 7.5 |   | 7.5 |   |   |   | 9.5 | 8.7 | Tằm pháp Báý  |  |         |
| 36      | 162310425 | Phạm Thị Lê      | Thủy   | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 5.5 | 6.2 | Saù pháp Hai  |  |         |
| 37      | 162310432 | Trần Thị Mỹ      | Trắc   | B16KKT | 5                          |   | 6   |   | 6   |   |   |   | 3   | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 38      | 162310433 | Trần Thanh Thục  | Trân   | B16KKT | 8                          |   | 7   |   | 8   |   |   |   | V   | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 39      | 152317504 | Hoàng Thị Hiền   | Trang  | B16KKT | 0                          |   | 0   |   | 0   |   |   |   | V   | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 40      | 162310428 | Hoàng Thị Quỳnh  | Trang  | B16KKT | 5                          |   | 6   |   | 6   |   |   |   | 8   | 7.0 | Báý           |  |         |

| ST<br>T | MSV       | Họ và tên        |       | Lớp    | ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%) |   |     |   |     |   |   |   | ĐIỂM TỔNG KẾT |     | Ghi chú       |     |
|---------|-----------|------------------|-------|--------|----------------------------|---|-----|---|-----|---|---|---|---------------|-----|---------------|-----|
|         |           |                  |       |        | A                          | P | Q   | H | L   | M | I | G | F             | SỐ  |               | CHỮ |
|         |           |                  |       |        | 10                         |   | 10  |   | 25  |   |   |   | 55            | 100 |               |     |
| 41      | 162310429 | Mai Thị Xuân     | Trang | B16KKT | 0                          |   | 5   |   | 5   |   |   |   | 8             | 6.2 | Saù phá? Hai  |     |
| 42      | 162310431 | Trần Thị Huyền   | Trang | B16KKT | 8                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 7.5           | 7.5 | Baý phá? Nàm  |     |
| 43      | 162320353 | Vũ Thị Thùy      | Trang | B16KKT | 6                          |   | 6.5 |   | 7   |   |   |   | 9.5           | 8.2 | Taìm phá? Hai |     |
| 44      | 162310434 | Huỳnh Thị Xuân   | Triều | B16KKT | 8                          |   | 7   |   | 6   |   |   |   | 8             | 7.4 | Baý phá? Bấ   |     |
| 45      | 162310435 | Hoàng Thị Thùy   | Tú    | B16KKT | 0                          |   | 0   |   | 0   |   |   |   | HP            | 0.0 | Khăng         |     |
| 46      | 162310436 | Nguyễn Anh       | Tuấn  | B16KKT | 8                          |   | 7   |   | 6   |   |   |   | 8.5           | 7.7 | Baý phá? Baý  |     |
| 47      | 162310437 | Hồ Thị Ánh       | Tuyết | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 8             | 7.6 | Baý phá? Saù  |     |
| 48      | 162310439 | Lê Thị Cẩm       | Vân   | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 9             | 8.2 | Taìm phá? Hai |     |
| 49      | 162310440 | Kiều Nguyễn Thế  | Vũ    | B16KKT | 5                          |   | 6   |   | 7   |   |   |   | 8.5           | 7.5 | Baý phá? Nàm  |     |
| 50      | 162310442 | Hoàng Thị Ngọc   | ?     | B16KKT | 7                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 51      | 162310444 | Nguyễn Bảo       | Yến   | B16KKT | 8                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 3             | 0.0 | Khăng         |     |
| 52      | 162310446 | Ông Thị          | Yến   | B16KKT | 8                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 9.3           | 8.5 | Taìm phá? Nàm |     |
| 1       | 152327081 | Nguyễn Thị Tuyết | Ngọc  | B15KKT | 5                          |   | 6   |   | 6.5 |   |   |   | 5             | 5.5 | Nàm phá? Nàm  |     |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT         | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-------------|-------------------|----|-------|---------|
| 1           | Số sinh viên đạt  | 39 | 74%   |         |
| 2           | Số sinh viên nợ   | 14 | 26%   |         |
| TỔNG CỘNG : |                   | 53 | 100%  |         |

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

GIÁM ĐỐC TT ĐÀO TẠO BẢNG 2

(k? và ghi r? họ tên)

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 02 năm 2012

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Hữu Phú